

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2019

V/v: “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giang

Bà Trương Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 và 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018. Về việc: “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 4 năm 2019 và quyết định ngừng phiên tòa số 05/2019/QĐ-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Văn D, sinh năm: 1962. Có mặt

Địa chỉ: Khu vực X, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Huỳnh Thị G, sinh năm: 1967. Có mặt

Địa chỉ: Khu vực X, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đặng Thị Trúc P, sinh năm: 1992. Có mặt

Đặng Thị Trúc L, sinh năm: 1987. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Đặng Phương T, sinh năm: 2001. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Đặng Linh T, sinh năm: 2001. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khu vực X, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1954. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Khu vực TH, phường BT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Đặng Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1984 ông D và bà Huỳnh Thị G tổ chức lễ cưới và đến ngày 15/4/1985 vợ chồng ông bà đăng ký kết hôn tại UBND X, tỉnh Hậu Giang (nay là UBND phường X), hôn nhân do ông bà cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà G.

Về con chung: ông D và bà G có 04 con chung tên Đặng Thị Trúc L (G tính: nữ), sinh năm: 1988; Đặng Thị Trúc P (G tính: nữ), sinh năm: 1992; Đặng Linh T (giới tính: nữ) sinh ngày: 26/12/2001 và Đặng Phương T (giới tính: nữ), sinh ngày: 26/12/2001, đã trưởng thành nên theo ai người đó nuôi.

Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện ông D yêu cầu chia tài sản chung của ông D và bà G gồm có: Toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 3, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại khu vực 2 phường Thuận An mang tên Đặng Văn D theo sổ mục kê đến năm 2009 thể hiện Nguyễn Văn Đ; Phần đất tại thửa 1227, thửa 844, thửa 27, thửa 28, thửa 169, thửa 902, thửa 1068, 864, 1071, 811, 1034 (tách từ thửa 797); thửa 279, thửa 1106, thửa 1099, thửa 1110; thửa 1100 tọa lạc tại khu vực 6 phường Thuận An do nhà nước cấp cho ông D và bà G; 01 chiếc xe ô tô biển số 95C- 015; 01 chiếc xe ô tô biển số 95H-0509; 01 chiếc xe ô tô biển số 95C-023.32; 01 chiếc xe ô tô biển số 95C- 0176; 01 chiếc xe ô tô biển số 95H- 4545; 07 chiếc xe ô tô trên thuộc công ty L P do Đặng Thị Trúc P đứng tên; 01 Sà lang biển số: Hgi: 9999; 01 Sà lang biển số : Hgi : 7979; 01 Sà lang biển số : Hgi 9898; 01 xe câu bánh xích HITACHI do công ty đứng tên; 01 xe câu bánh xích LIMA ; 01 xe đào (xe cuốc) 07 HITACHI , 01 xe đào (xe cuốc) bánh xích 02 do công ty L P đứng tên, yêu cầu hủy bỏ toàn bộ nội dung trong tờ thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông D và bà G vào năm 2011 và năm 2016 và yêu cầu tòa án giải quyết chia đôi số tài sản trên.

Ngày 24/01/2019 ông Đặng Văn D rút lại một phần yêu cầu chia tài sản, chỉ yêu cầu chia phần đất và phần nhà, ông yêu cầu được nhận giá trị, những tài sản khác còn lại ông D và bà G đã tự thỏa thuận phân chia xong, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị G trình bày: bà G thừa nhận bà và ông D có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, thì từ năm 2011 ông D đã có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, nên không chăm lo đến vợ con, bà G đã khuyên nhiều lần nhưng ông D không sửa đổi, mà còn nhiều lần đánh đập bà G. Vì vậy nay ông D yêu cầu ly hôn thì bà G cũng đồng ý.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà G thống nhất tài sản chung của vợ chồng như ông D đã trình bày. Năm 2011 và năm 2016 bà G và ông D có lập tờ thỏa thuận phân chia tài sản chung xong, sau đó bà đã chuyển tài sản của bà được nhận sang tên cho công ty Linh Phương do con gái là Đặng Thị Trúc P là chủ. Đối với phần nhà và phần đất ông D và bà G chưa chia hiện nay ông bà vẫn còn đang đứng tên và phần đất mua của ông Đồng. Nay về phần tài sản chung bà yêu cầu cho lại cho các con Đặng Phương T và Đặng Linh T số tiền 1.394.747.863 đồng. Phần tài sản còn lại bà đồng ý giao lại cho ông D phần đất và nhà tại khu vực 2 phường Thuận An cùng số tiền 3.000.000.000 đồng; bà yêu cầu được nhận toàn bộ phần đất và nhà của vợ chồng tại khu vực X phường TA.

Về nợ chung: tại phiên tòa bà G cho rằng vợ chồng ông bà không có nợ ai, nhưng có cho người khác mượn nợ. Tuy nhiên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tiền cho mượn nợ này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Trúc P trình bày: Chị là con ruột của ông D và bà G. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ L P hiện tại do chị P đứng tên quản lý. Vào năm 2011 và năm 2016 cha mẹ đã thỏa thuận phân chia tài sản xong sau đó thì bà G có chuyển phần tài sản bà G được nhận sang tên Công ty của chị. Đối với những tài sản còn lại là phần nhà và đất ông D và bà G yêu cầu chia thì chị cũng thống nhất chia theo bà G yêu cầu, chị không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ trình bày: Năm 1998 ông Đ có chuyển nhượng cho ông D và bà G một phần đất thổ cư giáp sông Trà Ban

diện tích khoảng 66m² với giá 32.000.000 đồng, khi chuyển nhượng có làm giấy tay, do đất ven sông nên hai bên chưa làm thủ tục sang tên được. Nay phần đất này nếu Tòa án phân chia đất cho ai thì ông Đ đồng ý sang tên cho người đó đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Trúc L trình bày: Trước đây năm 2012 chị có đưa 276.000.000 đồng cho mẹ (bà G) để hoàn thiện căn nhà, nay chị yêu cầu ông D và bà G trả lại số tiền trên cho chị.

Tại bản tự khai ngày 12/10/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng P T trình bày: Chị là con ruột của ông D và bà G. Do ông D có quan hệ với người phụ nữ khác nên không chăm lo vợ con. Nay ông D và bà G ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục sống chung với mẹ trên căn nhà thuộc khu vực 6 phường Thuận An.

Tại bản tự khai ngày 12/10/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Linh T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của Đặng Phương T, không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 198 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 71,72,73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Về hôn nhân công nhận thuận tình ly hôn giữa ông D và bà G; Về con chung đã trưởng thành nên không xem xét; Về tài sản chung ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa ông D và bà G; Ngoài ra, kiểm sát viên còn đề nghị về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Trúc L, Đặng Phương T, Đặng Linh T và Nguyễn Văn Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trên.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: 15/4/1985 đăng ký kết hôn tại UBND X, tỉnh Hậu Giang, nay là UBND phường X, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông D yêu cầu được ly hôn với bà G và bà G cũng đồng ý, nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa ông D và bà G.

[4] Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông D có yêu cầu rút lại một phần yêu cầu chia tài sản chung của ông D và bà G, không yêu cầu xem xét phần tài sản trong tờ thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa ông D và bà G, xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa ông D và bà G cùng thống nhất yêu cầu Tòa án căn cứ vào mảnh trích đo địa chính số 09/TT.KTTN&MT của Trung tâm đo đạc thuộc Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang ngày 05/3/2019 và Căn cứ vào kết quả định giá tài sản của Công ty tư vấn Thẩm định giá thống nhất để làm cơ sở phân chia tài sản chung của ông D và bà G, cụ thể tài sản chung của vợ chồng ông D và bà G gồm có:

5.1 Theo kết quả thẩm định đo đạc như sau:

- Phần đất diện tích 74,9m² loại đất thổ cư trong đó có 58,3m² thuộc hành lang bảo vệ sông Trà Ban, phần đất tại thửa số 3, tờ bản đồ số 17, mang tên Đặng Văn D theo sổ mục kê đến năm 2009 thể hiện Nguyễn Văn Đ, trên phần đất thì có một căn nhà do ông D và bà G cất năm 1999 kết cấu khung cột gỗ tạp, mái tol, nền đal xi măng có 2 vách tường lường.

- Diện tích 889,41m² tại thửa 1227 loại đất cây lâu năm, tờ bản đồ số 6 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Đặng Văn D và bà Huỳnh Thị G số CS00671 ngày 25/01/2017 (vị trí 5)

- Diện tích 919,8m² trong đó 536,2m² đất T; 383,6m² loại đất LNK trong đó có 753,1m² thuộc hành lang bảo vệ Sông Cái tại thửa 844 giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số 00293 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho hộ ông Đặng Văn D ngày 16/12/2001 và tại thửa 27 và thửa 28 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00370 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Đặng Văn D ngày 02/6/2003 và thửa 169 loại đất ONT thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00061 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Đặng Văn D ngày 03/10/2005 (vị trí 1).

- Diện tích 199,7m² loại đất T trong đó có 188m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn Sông Cái Lớn tại thửa 902, tờ bản đồ số 6 loại đất ở tại đô thị thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03808 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông D và bà G ngày 25/6/2013 (vị trí 2).

- Diện tích 1308,3m² (cụ thể 236,1m² đất DTL và 1072,2m² đất LNK) trong đó có 1049,5m² đất thuộc hàng lang bảo vệ an toàn Sông Cái Lớn, đất tại thửa 1068, 864, 1071, 811, 1034 (tách từ thửa 797), vị trí 3.

(Thửa 1068 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00345 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Đặng Văn D ngày 13/8/2010; Thửa 864 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00493 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ được điều chỉnh biến động sang tên cho ông D và bà G ngày 20/12/2016; thửa 1071 loại đất ở tại đô thị thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00001 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông D và bà G ngày 29/12/2009; thửa 811 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00002 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông D và bà G ngày 29/12/2009; thửa 1034 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00074 do Ủy ban nhân dân thị xã Long Mỹ cấp cho ông Nguyễn Văn T ngày 30/11/2015 được điều chỉnh biến động sang cho ông D và bà G ngày 22/12/2015).

- Diện tích 1569,1m² (cụ thể 368,7m² đất T và 1200,4m² đất LNK) trong đó có 80,9m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn Lộ đi Long Trị tại thửa 279, 1106, 1099, 1110; 1100 trên phần đất có phần nhà và một số công trình kiến trúc khác (được ghi nhận trong biên bản thẩm định và có bản ảnh kèm theo) vị trí 4.

(Thửa 1106 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04782 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Đặng Văn D và bà Huỳnh Thị G ngày 25/8/2014; Thửa 1099 thuộc giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02575 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Đặng Văn D và bà Huỳnh Thị G ngày 15/6/2012; thửa 1110 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02579 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông D và bà G ngày 15/6/2012; Thửa 279 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02580 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông D và bà G ngày 15/6/2012; Thửa 1100 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01625 loại đất ở tại đô thị do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông D và bà G ngày 13/5/2011).

(Toàn bộ quyền sử dụng đất trên hiện nay do bà Huỳnh Thị G đang quản lý).

5.2 Theo kết quả định giá:

- Phần đất tại Khu vực 6 phường Thuận An có trị giá 4.727.824.100 đồng; Phần công trình kiến trúc sau khi trừ phần nền mộ và khuôn viên mộ thì có giá 2.666.923.763 đồng; Tổng cộng 7.394.747.863 đồng.

- Phần đất tại Khu vực 2 phường Thuận An có trị giá 284.994.500 đồng; Phần nhà trên đất có trị giá 4.901.580 đồng; tổng cộng 289.896.080 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản của ông D và bà G yêu cầu phân chia là 7.684.643.943 đồng.

Tại phiên tòa ông D và bà G cùng thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau:

- Phần tài sản chung có giá trị 1.394.747.863 đồng, bà G và ông D thống nhất để lại cho Đặng P T và Đặng L T (bà G có trách nhiệm giao lại số tiền trên cho các con).

- Ông D được quản lý sử dụng phần đất tại khu vực 2, phường Thuận An cùng công trình kiến trúc trên đất. Bà G đồng ý giao lại cho ông D 3.000.000.000 đồng.

- Bà G được quản lý và sử dụng toàn bộ phần đất tại khu vực 6 phường Thuận An cùng công trình kiến trúc trên đất.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với Đặng Thị Trúc L yêu cầu bà G và ông D trả số tiền 276.000.000 đồng mà chị đưa cho bà G để hoàn thiện căn nhà. Đơn yêu cầu của chị cung cấp sau khi

Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án tách yêu cầu của chị L thành vụ kiện dân sự khác.

[6] Về nợ chung: Ông D và bà G khai nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí:

7.1 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Đặng Văn D phải chịu theo quy định pháp luật.

7.3 Án phí chia tài sản: Ông D và bà G phải chịu án phí trên tổng giá trị tài sản mà các bên được nhận là.

Phần tài sản của ông D được nhận là 3.289.896.080 đồng tương đương số tiền 97.797.920 đồng, Nguyên đơn đã nộp 30.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản nên nguyên đơn còn phải tiếp tục đóng thêm số tiền là 67.797.920 đồng.

Bị đơn Huỳnh Thị G được nhận 3.000.000.000 đồng tương đương số tiền án phí là 92.000.000 đồng.

7.3 Chi phí xem xét thẩm định và định giá tổng cộng 34.181.931 đồng; ông D và bà G mỗi người phải chịu 17.090.965 đồng; Ông D đã nộp 4.481.931 đồng, còn lại 12.609.034 đồng ông D phải tiếp tục nộp tại Chi cục thi hành án để nộp trả cho Công ty cổ phần Thẩm định giá Thống Nhất. Bà G phải nộp 17.090.965 đồng tại Chi cục thi hành án để nộp trả cho Công ty cổ phần Thẩm định giá Thống Nhất.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Văn D và bà Huỳnh Thị G.

[2] Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa ông D và bà G như sau:

3.1 Ông D và bà G thống nhất cho Đặng Linh T và Đặng Phương T 1.394.747.863 đồng (bà G có trách nhiệm giao lại số tiền trên cho Linh T và Phương T).

3.2 Ông Đặng Văn D nhận những tài sản sau:

- Phần đất và công trình kiến trúc trên phần diện tích 74,9m² trong đó có 58,3m² đất thuộc hàng lang bảo vệ sông Trà Ban, phần đất tại thửa số 3 do ông Nguyễn Văn Đồng đứng tên trên sổ mục kê, phần đất tọa lạc tại khu vực 2 phường Thuận An (lược đồ giải thửa kèm theo).

- Số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), bà G có trách nhiệm giao lại cho ông D.

3.3 Bà Huỳnh Thị G được nhận phần đất và toàn bộ công trình kiến trúc trên đất gồm có:

- Diện tích 889,41m² tại thửa 1227 loại đất cây lâu năm, tờ bản đồ số 6 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Đặng Văn D và bà Huỳnh Thị G số CS00671 ngày 25/01/2017 (vị trí 5)

- Diện tích 919,8m² trong đó 536,2m² đất T; 383,6m² loại đất LNK trong đó có 753,1m² thuộc hàng lang bảo vệ Sông Cái tại thửa 844 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00293 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho hộ ông Đặng Văn D ngày 16/12/2001 và tại thửa 27 và thửa 28 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00370 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Đặng Văn D ngày 02/6/2003, thửa 169 loại đất ONT thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00061 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Đặng Văn D ngày 03/10/2005 (vị trí 1).

- Diện tích 199,7m² loại đất T trong đó có 188m² thuộc hàng lang bảo vệ an toàn Sông Cái Lớn tại thửa 902, tờ bản đồ số 6 loại đất ở tại đô thị thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03808 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông D và bà G ngày 25/6/2013 (vị trí 2).

- Diện tích 1308,3m² (cụ thể 236,1m² đất DTL và 1072,2m² đất LNK) trong đó có 1049,5m² đất thuộc hàng lang bảo vệ an toàn Sông Cái Lớn , đất tại thửa 1068, 864,1071,811, 1034 (tách từ thửa 797), vị trí 3.

(Thửa 1068 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00345 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Đặng Văn D ngày 13/8/2010; thửa 864 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00493 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ được điều chỉnh biên động sang tên cho ông D và bà G ngày 20/12/2016; thửa 1071 loại đất ở tại đô thị thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00001 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông D và bà G ngày 29/12/2009; thửa 811 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00002 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông D và bà G ngày 29/12/2009; thửa 1034 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00074 do Ủy ban nhân dân thị xã Long Mỹ cấp cho ông Nguyễn Văn T ngày 30/11/2015 được điều chỉnh biên động sang cho ông D và bà G ngày 22/12/2015).

- Diện tích 1569,1m² (cụ thể 368,7m² đất T và 1200,4m² đất LNK) trong đó có 80,9m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn Lộ đi Long Trị, tại thửa 279, 1106, 1099, 1110; 1100 trên phần đất có phần nhà và một số công trình kiến trúc khác (được ghi nhận trong biên bản thẩm định và có bản ảnh kèm theo) vị trí 4.

(Thửa 1106 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04782 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Đặng Văn D và bà Huỳnh Thị G ngày 25/8/2014; thửa 1099 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02575 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Đặng Văn D và bà Huỳnh Thị G ngày 15/6/2012; thửa 1110 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02579 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông D và bà G ngày 15/6/2012; Thửa 279 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02580 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông D và bà G ngày 15/6/2012; thửa 1100 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01625 loại đất ở tại đô thị do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông D và bà G ngày 13/5/2011).

Ông Đặng Văn D và bà Huỳnh Thị G có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về nợ chung: Ông D và bà G khai không có nợ chung nên không xem xét.

Dành quyền khởi kiện cho Đặng Thị Trúc L đối với ông D và bà G đối với số tiền 276.000.000 đồng chi phí xây dựng nhà.

[5] Về án phí:

5.1 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đặng Văn D phải nộp 75.000 (bảy mươi lăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí đã nộp sang án phí theo lai thu số 0017663 phiếu lập ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Số tiền còn lại 225.000 đồng ông D được nhận lại. Bà Huỳnh Thị G phải nộp 75.000 (bảy mươi lăm nghìn đồng).

5.2 Án phí chia tài sản:

Nguyên đơn Đặng Văn D phải nộp 97.797.920 đồng, Nguyên đơn đã nộp 30.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản nên nguyên đơn còn phải tiếp tục nộp thêm số tiền là 67.797.920 đồng. Bị đơn Huỳnh Thị G phải nộp 92.000.000 đồng.

5.4 Chi phí thẩm định và định giá: ông D và bà G mỗi người phải chịu 17.090.965 đồng; Ông D đã nộp 4.481.931 đồng, còn lại 12.609.034 đồng ông D phải tiếp tục nộp tại Chi cục thi hành án để nộp trả cho Công ty cổ phần Thẩm định giá Thống Nhất. Bà G phải nộp 17.090.965 đồng tại Chi cục thi hành án để nộp trả cho Công ty cổ phần Thẩm định giá Thống Nhất.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/5/2019) Riêng người liên quan vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi Nhận:

- VKSND thị xã Long Mỹ;
- THADS thị xã Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường TA;
- Lưu HS;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

Đào Thị Thủy